

Số: /KH-SCT

An Giang, ngày tháng 6 năm 2026

KẾ HOẠCH
Phát triển ngành công thương giai đoạn 2026-2030

Căn cứ Quyết định số 165/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh về Phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030 tỉnh An Giang;

Căn cứ Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh về Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2025 – 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 241/KH-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2026 của UBND tỉnh An Giang về việc Triển khai thực hiện Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16 tháng 04 năm 2026 của Chính phủ; Chương trình hành động số 16-CTr/TU ngày 05 tháng 3 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Chương trình hành động số 10-CTr/ĐU ngày 05 tháng 3 năm 2026 của Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh;

Sở Công Thương xây dựng Kế hoạch phát triển ngành công thương 05 năm giai đoạn 2026-2030, cụ thể như sau:

Phần thứ nhất

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH
CÔNG THƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN:

Trong giai đoạn 2021-2025, kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển tích cực, nhiều ngành, lĩnh vực có tăng trưởng cao so cùng kỳ. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân 5 năm đạt 5,59%. Trong đó, khu vực nông – lâm – thủy sản, tăng 2,51%; khu vực công nghiệp - xây dựng, tăng 8,40% (Công nghiệp tăng 9,22%); khu vực dịch vụ tăng 7,40%.

Đối với ngành công thương đã triển khai nhiều hoạt động, chương trình, đề án và kế hoạch lớn góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, phù hợp với lợi thế từng địa phương. Cụ thể:

Lĩnh vực công nghiệp: Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã chỉ đạo tập trung phát triển nhanh theo các nhóm ngành có tiềm năng lợi thế của tỉnh. Trong

đó, ưu tiên phát triển các nhóm ngành công nghiệp chế biến sâu, công nghệ cao, thân thiện với môi trường và có giá trị gia tăng lớn, giảm dần tỷ trọng ngành công nghiệp khai thác. Tỉnh đã từng bước hình thành và mở rộng một số ngành công nghiệp mới như: sản xuất bia, kính cường lực, linh kiện điện - điện tử, giày da, bê tông nhẹ... Các sản phẩm công nghiệp chủ lực như đá xây dựng, xi măng, thủy sản chế biến, sản phẩm gỗ... tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng tốt, góp phần ổn định thị trường tiêu thụ, nâng cao sức cạnh tranh và đóng góp quan trọng cho nguồn thu ngân sách tỉnh.

Lĩnh vực thương mại: Hoạt động thương mại - dịch vụ, tiếp tục tăng trưởng khá, đặc biệt là thương mại điện tử được ứng dụng rộng rãi. Tỉnh đã tập trung đầu tư, nâng cấp, chỉnh trang các loại hình, cơ sở hạ tầng thương mại hiện có, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực như: gạo, thủy sản, hàng may mặc, giày da, nông sản chế biến tiếp tục giữ vững thị trường truyền thống và từng bước mở rộng sang các thị trường tiềm năng, phản ánh năng lực sản xuất và hội nhập thị trường quốc tế ngày càng mở rộng.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NGÀNH CÔNG THƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025:

2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tăng trưởng

- Giá trị sản xuất ngành công nghiệp giai đoạn 2021-2025, ước đạt 476.802,42 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân 9,94%/năm. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục giữ vai trò chủ lực, chiếm khoảng 96% tổng giá trị sản xuất toàn ngành. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2020, đạt 73.456,511 tăng lên 118.044 tỷ đồng năm 2025 (tăng 61% so với năm 2020). Tỷ lệ hộ sử dụng điện toàn tỉnh năm 2025 ước tính đạt 99,70%.

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 1.046.799 tỷ đồng, trong đó, năm 2025 đạt 303.649 tỷ đồng, tăng bình quân 15,1%/năm

- Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa giai đoạn 2021 – 2025 ước đạt 10,5 tỷ USD. Mặt hàng chủ lực: gạo, thủy sản (cá tra, tôm), hàng may mặc, giày dép, nông sản chế biến,; Xuất khẩu sang 80 quốc gia/ vùng lãnh thổ. Thị trường chính: Mỹ, Trung Quốc, EU, ASEAN, ... Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa giai đoạn 2021 – 2025 ước đạt 2,15 tỷ USD.

2.2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành

- Phát triển hạ tầng khu, cụm công nghiệp:

+ Luỹ kế đến nay, có 08 cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động, với tổng vốn đầu tư hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp đạt 545,14 tỷ đồng; thu hút được 27 dự án đầu tư, với tổng vốn đăng ký đầu tư đạt 7.350,5 tỷ đồng, trong đó: có 23 dự án đi vào hoạt động; 04 dự án đang thực hiện thủ tục đầu tư và triển khai đầu tư xây dựng; giải quyết việc làm cho khoảng 14.352 lao động; tỷ lệ lấp đầy bình quân của các cụm công nghiệp đạt 80,82%.

+ Giai đoạn 2021-2025 toàn tỉnh có 06 KCN, trong đó 05 KCN đã đầu tư hạ tầng, với diện tích 505,33 ha, đưa vào hoạt động; đã cấp mới giấy chứng nhận

đăng ký đầu tư 07 dự án với tổng vốn đăng ký đầu tư 1.175 tỷ đồng, diện tích đăng ký đầu tư 21 ha và 01 KCN thực hiện mục tiêu đầu tư xây dựng và kinh doanh phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Vàm Cống, với vốn đăng ký đầu tư 2.458 tỷ đồng, diện tích đăng ký đầu tư 193 ha.

- **Về năng lượng:** Toàn tỉnh có 04 dự án nhà máy điện năng lượng mặt trời đã được đưa vào vận hành và hòa vào lưới điện quốc gia. Tổng công suất thiết kế của các nhà máy điện mặt trời khoảng 320 MWp (Mê ga wat) với tổng mức đầu tư khoảng 8.858 tỷ đồng.

- **Phát triển hạ tầng thương mại:** Đến nay có 326 chợ, trong đó có 01 chợ đầu mối, 02 chợ loại I, 24 chợ loại II và 299 chợ loại III; có 03 Trung tâm thương mại; 14 siêu thị tổng hợp; có trên 256 cửa hàng tiện lợi, chuyên doanh hiện đại (Điện máy Nội thất Chợ Lớn, Điện máy Nguyễn Kim, Điện máy Xanh, Bách hoá Xanh, Winmart+, Thế giới di động, ...) và trên 26 Kho hàng hoá tổng hợp và chuyên doanh phân bố chủ yếu tại Rạch Giá, Long Xuyên, Châu Đốc, Hà Tiên, trong khi các huyện vùng sâu, ven biển còn ít.

- **Công tác quản lý thị trường:** Giai đoạn 2021-2025, lực lượng Quản lý thị trường độc lập, phối hợp với cơ quan chức năng kiểm tra 8.688 vụ, phát hiện 3.988 vụ vi phạm, xử lý 4.159 vụ, trị giá hàng hóa vi phạm 114.546.427.000 đồng, thu nộp ngân sách 71.451.179.000 đồng.

- **Về khuyến công:** Hỗ trợ thực hiện 103 đề án khuyến công địa phương, với tổng kinh phí 21,6 tỷ đồng (từ nguồn ngân sách tỉnh), 103 cơ sở hỗ trợ; Trong đó, hỗ trợ thực hiện các đề án ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào quy trình sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, hỗ trợ đánh giá áp dụng giải pháp sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, hỗ trợ nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường và Hỗ trợ đầu tư phòng trưng bày để giới thiệu quảng bá sản phẩm CNNT tiêu biểu. Đồng thời, sử dụng nguồn kinh phí khuyến công quốc gia thực hiện 08 đề án với kinh phí trên 6,1 tỷ đồng để hỗ trợ cho 14 cơ sở CNNT. Các đề án khuyến công đã tập trung hỗ trợ các ngành nghề như công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản và chế biến thực phẩm 89 cơ sở, may mặc 07 cơ sở, cơ khí đóng tàu 6 cơ sở và nhóm ngành nghề khác 15 cơ sở. Các hoạt động hỗ trợ máy móc thiết bị tiên tiến và xử lý môi trường đã góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí, giảm phát thải môi trường và đáp ứng yêu cầu thị trường....

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ

- Tỷ trọng ngành công nghiệp trong GRDP vẫn còn thấp so với tiềm năng, chiếm chưa đạt kế hoạch đề ra. Công tác triển khai đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp còn chậm, thiếu quỹ đất đáp ứng nhu cầu đầu tư của các doanh nghiệp; thiếu những dự án công nghiệp có quy mô lớn để dẫn dắt tăng trưởng và gia tăng tỷ trọng đóng góp của ngành công nghiệp trong cơ cấu kinh tế của tỉnh. Cơ cấu công nghiệp chưa thật sự chuyển dịch theo chiều sâu, tỷ trọng các ngành công nghiệp chế biến có hàm lượng công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn còn thấp; tăng trưởng công nghiệp chủ yếu vẫn dựa vào các ngành công nghiệp truyền thống như chế biến nông - thủy sản, xây sát gạo, sản xuất và chế biến vật liệu xây dựng;

Việc thu hút đầu tư các dự án công nghệ cao, công nghệ hiện đại, công nghiệp hỗ trợ còn hạn chế. Chưa có nhiều dự án sản xuất công nghiệp quy mô lớn mang tính động lực, đóng vai trò hạt nhân, có tác động lan tỏa, lôi kéo, kích thích các ngành công nghiệp khác phát triển. Các doanh nghiệp công nghiệp phần lớn là doanh nghiệp nhỏ và vừa có quy mô, trình độ công nghệ còn lạc hậu, ít có mặt hàng chủ lực chiếm lĩnh thị trường trong và ngoài tỉnh.

- Hoạt động thương mại nội địa chưa thật sự đa dạng; hạ tầng thương mại còn ít đặc biệt khu vực nông thôn; chuyển đổi số trong thương mại chưa phát triển mạnh mẽ; Khai thác phát triển kinh tế biên mậu còn hạn chế; Hạ tầng thương mại – logistics còn hạn chế, thiếu các trung tâm logistics, kho lạnh, chợ đầu mối; chi phí vận chuyển, lưu kho và giao nhận hàng hóa vẫn cao; Liên kết vùng và kết nối chuỗi cung ứng chưa chặt chẽ, nhất là giữa khu vực sản xuất, chế biến và tiêu thụ; chưa hình thành được chuỗi giá trị bền vững cho nông sản chủ lực.

- Hoạt động xuất khẩu chưa tương xứng với quy mô vùng nguyên liệu và lực lượng lao động; doanh nghiệp xuất khẩu chưa tận dụng tốt các ưu đãi từ các hiệp định thương mại quốc tế; hàng hoá xuất khẩu chưa đa dạng.

- Tỉnh chưa có chính sách đề tập trung cho phát triển công nghiệp; Chương trình xúc tiến thương mại còn rời rạc, mô hình xúc tiến chưa phong phú, chưa đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp.

- Công tác xây dựng thương hiệu chưa được chú trọng.

- Chuyên đổi số ngành công thương còn yếu.

- Nguồn lực đầu tư công cho ngành không thương rất hạn chế.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG THƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026-2030

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi

Sau hợp nhất, tỉnh An Giang có diện tích tự nhiên là 9.888,91 km², dân số gần 3,7 triệu người, gồm 102 xã, phường và 03 đặc khu (Phú Quốc, Kiên Hải và Thổ Châu). Tỉnh có vị trí địa chiến lược đặc biệt quan trọng, có đường bờ biển dài hơn 200 km, và hơn 148 km đường biên giới trên bộ giáp Vương quốc Campuchia, thuận lợi giao thương quốc tế qua các cửa khẩu quốc tế Vĩnh Xương, Tịnh Biên, Hà Tiên và hệ thống cửa khẩu phụ.

Đặc khu Phú Quốc có nhiều lợi thế trong giao thương, du lịch và kết nối quốc tế.

Hạ tầng giao thông nội tỉnh và kết nối vùng ngày càng hoàn thiện, từ đó tạo cơ hội đầu tư mới vào tỉnh, trong đó sản xuất công nghiệp có khả năng sẽ dịch chuyển từ trung tâm sản xuất công nghiệp vùng Đông Nam bộ (Thành phố Hồ

Chí Minh, tỉnh Đồng Nai) về vùng Đồng bằng Sông Cửu Long, trong đó có tỉnh An Giang, cũng như kết nối chặt chẽ hơn với chuỗi cung ứng và chuỗi sản xuất toàn cầu.

Nguồn năng lượng tái tạo, đặc biệt là điện mặt trời và điện gió, cũng có nhiều cơ hội phát triển tại các khu vực ven biển và hải đảo, góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi năng lượng sạch

2. Khó khăn

Đối mặt với nhiều thách thức trong bối cảnh hội nhập sâu rộng và tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu. Sự tham gia của Việt Nam vào các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (EVFTA, CPTPP, RCEP) cùng biến động hậu Covid-19 và căng thẳng địa chính trị đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với sản phẩm nông - thủy sản của tỉnh.

Các tiêu chuẩn về chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và đặc biệt là yêu cầu “xanh hóa” chuỗi sản xuất đang trở thành điều kiện bắt buộc để tiếp cận thị trường toàn cầu.

An Giang đang chịu áp lực cạnh tranh gay gắt từ các sản phẩm của các nước, đặc biệt là Thái Lan - quốc gia có lợi thế tương đồng về lúa gạo, thủy sản và du lịch. Nếu không kịp thời nâng cấp chuỗi giá trị sản xuất, cải thiện hạ tầng logistics và đẩy mạnh cải cách hành chính, An Giang có nguy cơ chỉ đóng vai trò cung ứng nguyên liệu thô, bỏ lỡ cơ hội tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu và thu hút các dòng vốn đầu tư chiến lược.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Cụ thể hóa đầy đủ, kịp thời các mục tiêu, nhiệm vụ, khâu đột phá và giải pháp chủ yếu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Kế hoạch của UBND tỉnh, tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong toàn ngành công thương, phát huy vai trò, trách nhiệm của các đơn vị, phòng ban, nhất là người đứng đầu.

- Tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, đề án, kế hoạch theo phương châm 06 rõ: Rõ việc; rõ cơ quan, đơn vị chủ trì, cơ quan phối hợp; rõ biện pháp, nguồn lực thực hiện; rõ thời gian; rõ thẩm quyền, trách nhiệm; rõ sản phẩm đạt được, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch đề ra.

- Việc triển khai thực hiện Kế hoạch phải được thực hiện chủ động, quyết liệt, đồng bộ, đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí; phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng, gắn với trách nhiệm của từng đơn vị, phòng ban, nhất là trách nhiệm người đứng đầu.

- Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, giám sát; thực hiện nghiêm việc sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả; kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân thực hiện tốt, đồng thời chấn chỉnh, xử lý trách nhiệm đối với các trường hợp thiếu trách nhiệm, chậm trễ trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao.

III. MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu phát triển:

1.1. Lĩnh vực Công nghiệp và năng lượng

- Phát triển mới ít nhất 03 cụm công nghiệp;
- Có ít nhất 5 nhà máy năng lượng tái tạo được chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quy hoạch tỉnh.
- Hình thành ít nhất 02 cụm nhà máy chế biến theo Quy hoạch tỉnh.
- Phối hợp triển khai các dự án kết nối lưới điện quốc gia đối với đảo Thổ Chu; Nam Du, An Sơn.

1.2. Lĩnh vực thương mại

Phát triển mới ít nhất 10 siêu thị, 8 trung tâm thương mại, 5 trung tâm logistics, 5 chợ đầu mối theo định hướng quy hoạch tỉnh (Quy hoạch tỉnh: 56 siêu thị, 20 trung tâm thương mại, 10 chợ đầu mối, 14 trung tâm logistics).

Xây dựng ít nhất 02 Trung tâm Hội chợ triển lãm cấp tỉnh.

Phát triển đầy đủ các kho xăng dầu, kho khí đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội địa phương.

2. Chỉ tiêu phát triển giai đoạn 2026-2030

- Tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp bình quân hằng năm (IIP) đạt: 15,77%.
- Tỷ lệ hộ sử dụng điện lưới quốc gia đến năm 2030 đạt 99,54%. Tăng trưởng điện thương phẩm bình quân đạt 6,84%.
- Tăng trưởng bình quân tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 25,85%.
- Tổng kim ngạch xuất khẩu phần đầu tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 11,63%; Tăng trưởng giá trị kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 8,45%

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Về công nghiệp

a. Phát triển các lĩnh vực công nghiệp

- Tập trung phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ nông nghiệp và các sản phẩm công nghiệp chủ lực của tỉnh. Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp mới nổi như: Công nghiệp sinh học, công nghiệp môi trường, năng lượng tái tạo, năng lượng mới,...
- Tổ chức phát triển các cụm công nghiệp, cụm liên kết ngành phù hợp với lợi thế của tỉnh; thu hút đầu tư vào các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao, thân thiện môi trường; ưu tiên mời gọi đầu tư các dự án năng lượng tái tạo như: Điện mặt trời, điện gió, điện sinh khối và điện rác.

- Đẩy nhanh tái cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng hiện đại, tăng trưởng xanh và hiệu quả. Chuyển phát triển công nghiệp từ tăng trưởng theo chiều rộng sang chiều sâu, ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến – chế tạo, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ nông nghiệp và năng lượng sạch; hạn chế các ngành thâm dụng tài nguyên, lao động, gây ô nhiễm môi trường.

- Phát triển ngành sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe trên cơ sở khai thác hợp lý thế mạnh về dược liệu của tỉnh, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu; phát triển công nghiệp nhẹ sản xuất hàng tiêu dùng phục vụ thị trường nội địa và xuất khẩu, công nghiệp chế tạo phục vụ sản xuất nông nghiệp; nghiên cứu phát triển công nghiệp phần mềm, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI).

- Tiếp tục khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, gắn với liên kết sản xuất, tiêu thụ hàng hóa nông, lâm, thủy sản; hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

b. Phát triển hạ tầng cụm công nghiệp, cụm nhà máy chế biến

- Thu hút đầu tư các dự án ưu tiên trọng điểm như đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, hình thành các cụm nhà máy chế biến nông thủy sản, phát triển công nghiệp chế biến công nghệ cao, thân thiện môi trường, gắn với vùng nguyên liệu tập trung...

- Xây dựng và triển khai nhanh chính sách hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp.

- Hoàn chỉnh các hạ tầng kết nối cụm công nghiệp, cụm nhà máy.

c. Phát triển hạ tầng năng lượng

- Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Quy hoạch Điện VIII điều chỉnh; phối hợp ngành điện đẩy mạnh công tác đầu tư hạ tầng cấp điện trên địa bàn tỉnh, nhất là các dự án đường dây, trạm biến áp trên đất liền và trên đảo, đảm bảo cung ứng điện ổn định cho sản xuất và sinh hoạt.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nghiên cứu, phát triển đa dạng hóa nguồn điện, kết hợp điện khí, điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối, đốt rác phát điện và các nguồn năng lượng tái tạo khác. Ưu tiên mời gọi đầu tư các dự án năng lượng tái tạo như: điện mặt trời, điện gió, điện sinh khối và điện rác; khuyến khích triển khai các dự án điện mặt trời tại các vị trí nuôi tôm công nghiệp, các mặt hồ; điện gió tại các địa phương tiếp giáp biển, các vùng hải đảo để khuyến khích các dự án điện gió và các loại năng lượng tái tạo khác. Đầu tư đồng bộ lưới điện đấu nối, trạm biến áp và đường dây truyền tải, đảm bảo khai thác tối đa công suất các nguồn mới, nhất là năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. -

Triển khai đầy đủ các dự án nguồn năng lượng đã được phê duyệt vận hành giai đoạn 2026-2030.

2. Về thương mại

a. Phát triển các lĩnh vực thương mại

- Phát triển các ngành dịch vụ, thương mại theo hướng hiện đại; thúc đẩy ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số, khuyến khích doanh nghiệp tham gia thương mại điện tử. Phát triển đồng bộ hạ tầng thương mại, kho bãi, trung tâm phân phối, hệ thống logistics gắn với hệ thống giao thông, cửa khẩu, cảng; hình thành các chuỗi cung ứng hỗ trợ cho sản xuất, tiêu dùng và xuất nhập khẩu.

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế, tạo môi trường kinh doanh thương mại văn minh, hiện đại; đẩy mạnh phát triển thương mại theo hướng công nghệ hóa, số hóa, khuyến khích doanh nghiệp tham gia thương mại điện tử. Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất đưa sản phẩm lên các sàn giao dịch trực tuyến, nhằm quảng bá, mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài tỉnh.

- Tăng cường xúc tiến thương mại, mở rộng kênh phân phối; xây dựng và bảo hộ thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa, bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Mở rộng hợp tác tiêu thụ nông – thủy sản với Thành phố Hồ Chí Minh và các trung tâm kinh tế lớn.

- Tổ chức các chương trình kích cầu tiêu dùng, bình ổn thị trường, kết nối cung - cầu hàng hóa.

- Thúc đẩy xuất khẩu chính ngạch và khai thác hiệu quả các thị trường có hiệp định thương mại tự do (FTA) với Việt Nam.

- Phát triển mạnh khu vực dịch vụ theo hướng hiện đại, bền vững. Tập trung phát triển các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao như logistics, thương mại điện tử, thương mại quốc tế,...

- Khuyến khích sử dụng năng lượng sạch, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường trong lĩnh vực thương mại. Khuyến khích các doanh nghiệp, thương nhân tham gia đầu tư và kinh doanh trong lĩnh vực logistics, dịch vụ hỗ trợ xuất nhập khẩu, vận tải hàng hóa xuyên biên giới.

b. Phát triển hạ tầng thương mại

- Phát triển hệ thống chuỗi cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, nhất là ở khu vực nông thôn, biên giới;

- Tập trung xây dựng các chợ đầu mối, tạo liên kết vùng trong tiêu thụ hàng hoá, đặc biệt là mặt hàng nông, thủy hải sản.

- Phát triển đồng bộ hạ tầng thương mại, dịch vụ logistics, kho bãi, trung tâm phân phối, góp phần phát triển các chuỗi cung ứng hỗ trợ cho sản xuất, tiêu dùng hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu.

- Đẩy mạnh phát triển hạ tầng thương mại biên giới, logistics xuất nhập khẩu, phát huy vai trò đầu mối giao thương của tỉnh với Campuchia và các nước ASEAN;

3. Về cải cách hành chính

Bám sát mục tiêu và triển khai nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030. Trong đó tập trung các nội dung nhiệm vụ về: Cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cải cách bộ máy, cải cách công vụ, chuyển đổi số,...

4. Công tác quản lý thị trường và Thường trực Ban Chỉ đạo 389 tỉnh

- Thực hiện vai trò Cơ quan thường trực tham mưu, giúp UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo 389 tỉnh trong việc xây dựng kế hoạch, chỉ đạo các biện pháp phòng ngừa, kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm. Đề xuất các biện pháp khắc phục và điều chỉnh kịp thời để nâng cao hiệu quả công tác; Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của các sở, ngành, địa phương, bảo đảm đúng tiến độ, đúng quy định và hiệu quả công tác phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả;

- Chủ động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn, bắt giữ và xử lý nghiêm các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, nhất là các mặt hàng ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng.

- Phối hợp với các ngành chức năng thường xuyên kiểm tra, giám sát đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động thương mại điện tử nhằm phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu, hàng không rõ nguồn gốc trên môi trường mạng và các vi phạm liên quan đến hoạt động thương mại điện tử.

- Tiếp tục phối hợp với các lực lượng chức năng duy trì Tổ công tác phòng, chống buôn lậu trên tuyến biên giới và nội địa; đồng thời, hợp tác với các lực lượng chức năng thuộc Vương quốc Campuchia (nhất là 02 tỉnh Kandal và Takeo) trong quản lý biên giới liên quan công tác quản lý, đấu tranh, ngăn chặn các hoạt động xuất, nhập cảnh trái phép và công tác phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới.

5. Về khuyến công

- Triển khai đa dạng các hoạt động hỗ trợ cơ sở, doanh nghiệp theo Chương trình khuyến công, trong đó, một số hoạt động trọng tâm như:

+ Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn phát triển sản xuất, áp dụng công nghệ mới, nâng cao năng suất và bảo vệ môi trường, tập trung vào đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh.

+ Phối hợp triển khai kế hoạch hỗ trợ tái cơ cấu công nghiệp thông qua chính sách khuyến công.

+ Tập trung công tác hỗ trợ xúc tiến thương mại cho sản phẩm công nghiệp nông thôn từ các cuộc kết nối và Hội chợ triển lãm trong và ngoài tỉnh.

6. Công tác triển khai các Nghị quyết của Bộ Chính trị, tạo đột phá tăng trưởng ngành công thương

- Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về “Đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” (Nghị quyết 57-NQ/TW) và Đề án 06: Tập trung chuyển đổi số, chuyển đổi xanh toàn diện ngành công thương; trong đó ưu tiên các lĩnh vực quan trọng nhằm tạo đột phá tăng trưởng như: năng lượng, công nghiệp chế biến và logistics. Xây dựng, trình ban hành và triển khai các chính sách hỗ trợ về ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số.

- Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới (Nghị quyết số 59-NQ/TW): Hỗ trợ các doanh nghiệp của tỉnh phát triển thị trường hàng hoá thông qua các Hiệp định thương mại tự do; đẩy mạnh xuất khẩu sang biên giới. Hệ thống lại ưu đãi xuất khẩu của các thị trường, điều kiện, thủ tục thông quan hàng hoá; tạo gắn kết chặt chẽ với các thương vụ Việt Nam tại nước ngoài để xúc tiến tiêu thụ hàng hoá của tỉnh.

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân (Nghị quyết số 68-NQ/TW): Hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, mở rộng sản xuất, kinh doanh, đa dạng hóa thị trường, xây dựng và phát triển thương hiệu, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nhất là kỹ năng nghề và năng lực quản trị cho doanh nghiệp tư nhân; thu hút các nhà đầu tư chiến lược đầu tư vào các lĩnh vực logistics, năng lượng tái tạo, các cụm công nghiệp, dự án công nghiệp quy mô lớn gắn với công nghệ chế biến sâu, chế biến tinh. Thúc đẩy mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ, khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực; hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia vào chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng toàn cầu và khu vực.

- Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết 70-NQ/TW): Tập trung phát triển các dự án năng lượng tái tạo theo quy hoạch phê duyệt; phát triển lưới điện quốc gia đối với các đặc khu, đảo phục vụ phát triển kinh tế- xã hội địa phương; hoàn thiện hệ thống lưới điện, đảm bảo điều độ công suất phân bổ.

(Đính kèm biểu tổng hợp các nhiệm vụ chi tiết ngành công thương)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Phòng, đơn vị trực thuộc căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng kế hoạch hàng năm và tổ chức thực hiện các kế hoạch,

chương trình, đề án cụ thể nhằm triển khai hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển ngành công thương 5 năm 2026–2030; Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ lưu ý cần đảm bảo theo mục tiêu, nội dung, tiến độ của các văn bản chỉ đạo cấp trên để phù hợp với tình hình thực tế.

2. Giao Phòng KHTH chủ trì phối hợp các Phòng, đơn vị trực thuộc theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để kịp thời đánh giá kết quả đạt được, nhận diện khó khăn, vướng mắc và tham mưu điều chỉnh chỉ tiêu, bổ sung giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

3. Ban Giám đốc Sở theo từng lĩnh vực phụ trách, trực tiếp chỉ đạo các Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc tổ chức xây dựng và triển khai nhiệm vụ, giải pháp được giao theo Kế hoạch này.

Trên đây là Kế hoạch Phát triển ngành công thương 5 năm giai đoạn 2026-2030, đề nghị các phòng, đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- Ban Giám đốc sở;
- Các Phòng, Đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, KHTH.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thống Nhất